

PHẨM THỨ BA: BỒ-TÁT HẠNH

Giải thích phẩm này, văn chia làm ba: 1. Biện minh ý nối tiếp. nghĩa là: Hai vấn đề được nêu ở đầu phẩm trước, thì phần một trình bày về quả đức của phẩm trước đã nói xong. Tiếp sẽ biện minh về nhân thù thắng đầy đủ ở đây. Khiến người tu hành, quán quả tu nhân, vui nguyện tiến tu, nên có phẩm này; 2. Giải thích tên phẩm; Bồ-tát là như phẩm Tự đã nói. Hạnh là khởi bi trí, tu hạnh nhị lợi (tự lợi lợi tha) là đạo vô trụ. Cách dịch cũ là “giáo hóa” là căn cứ theo môn lợi tha. Đạt được tâm bi đồng thể, thì lợi tha tức là tự lợi, cũng không nhau gì sai; 3. Chia văn giải thích, trong đó phân làm ba phần:

- Vua Ba-tư-nặc.
- Như Lai chánh đáp.
- Nghe pháp được ích .

Đây là phần một - Vua Ba-tư-nặc hỏi - nghĩa đó là sao?

Kinh: Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc bạch Phật: Thế Tôn! Hộ trì hạnh thập địa, Bồ-tát Ma-ha-tát phải tu hành như thế nào? Làm sao giáo hóa chúng sanh? Lại dùng tướng gì mà trụ để quán sát?

Giải thích: Hộ hạnh thập địa: là nhắc lại câu hỏi trước.

Bồ-tát Ma-ha-tát: là nói về người năng chủ hộ trì, (chủ thể) cả người chưa tu và người đã tu.

“Phải tu hành...” là chánh nói về ba câu hỏi.

Ý hỏi: người phát khởi tu đại thừa thì tu hành như thế nào? Nếu người tu hành thì làm sao để hóa độ tạo lợi? Hoặc tu hoặc hóa thì làm thế nào quán sát được lìa chướng, đạt đến quả đức viên mãn? Chính là để mong cầu quả đức vô thượng nên từ đầu đến cuối, chủng tánh không bị đoạn, mà nêu ba câu hỏi, không tăng không bớt. Ba câu hỏi này, là ba loại diệu quán của người phát tâm cầu Bồ-đề. Chán lìa hữu vi, vui cầu Bồ-đề, thương xót hữu tình. Ba loại tâm này theo thứ lớp sinh khởi, là đoạn, tu, hóa lợi. Lấy sau làm trước nên cũng được gọi là ba tụ tịnh giới: nhiếp thiện pháp giới, nhiếp chúng sinh giới, nhiếp luật nghi giới. Theo thứ lớp của trị đoạn, thì tu hành hóa lợi, lìa xa các chướng. Thuận theo ba câu hỏi, tức là nhân của ba đức Trí, Ân, Đoạn. Như thứ tự, có thể chứng đắc được quả Báo, hóa, Pháp thân cứu cánh.

Dưới đây là phần hai - Phật đáp riêng từng phần; gồm ba: 1. Đáp về tu hành; 2. Đáp về hóa độ chúng sinh; 3. Đáp về quán sát.

Trong phần một, đáp về tu hành. Văn chia làm hai: 1. Lược nói năm nhãn; 2. Rộng nói năm nhãn. Trong phần lược nói, văn lại chia

làm ba:

1. Nêu chung về năm nhãn.

Kinh: Phật nói: Đại vương! Chư Bồ-tát Ma-ha-tát nương vào pháp năm nhãn để tu hành.

Giải thích: Đó là nêu chung. Dưới đây là phần hai - Liệt về năm nhãn.

Kinh: Đó là Phục nhãn, Tín nhãn, Thuận nhãn, vô sinh nhãn, mỗi nhãn đều có thượng, trung, hạ, còn Tịch diệt nhãn chỉ có thượng và hạ.

Giải thích: Nhãn nghĩa là chấp nhận nhãn chịu. Lấy tuệ làm thể, tương ứng với trợ bạn đủ tính năm uẩn.

Phục nhãn: Phục là chiết phục. Ở ngôi vị Tam hiền, chưa tự mình chứng được lý, nương theo lực thắng giải mà tu chánh quán, cả hai môn phước và trí, tự lợi lợi tha đều chưa mất tướng. Phân biệt hai chướng khiến cho không khởi hiện hành. hai tùy miên Thủ đã điều phục nhưng chưa đoạn dứt, nên gọi là Phục nhãn. Tức nhãn của nhãn, nhãn có phục ấy. Với ba nghĩa trên mà được tên, tức là Tương tự giác trong luận Khởi Tín nói.

Tín nhãn: Tín là chứng tín, Sơ địa, hai địa, ba địa gọi là Tín nhãn. Thuận là thuận hưởng, thuận hưởng vô sinh. Địa thứ năm, địa thứ sáu, gọi là Thuận nhãn.

Vô sinh: gọi là “Như” Địa thứ bảy, địa thứ tám, địa thứ chín tuệ thường chiếu lý, gọi là vô sinh nhãn.

Tịch diệt tức “Như”. Địa thứ mười, Phật địa, chiếu tịch, tịch chiếu, gọi là tịch diệt nhãn.

Vì đại quả khó chiêu cảm, nên phải trải qua năm nhãn, vì vạn hạnh khó đủ nên lần lượt mà tu. Từ nhân đến quả, tổng cộng mười bốn nhãn.

Nhưng bàn về năm nhãn này, thì Kinh Luận nói khác nhau:

Như Kinh Bản Nghiệp Anh lạc lược chia làm sáu tính: 1. Tập chủng tính: tức là thập trụ; 2. Tính chủng tính: tức là thập hạnh; 3. Đạo chủng tính tức là mười hồi hương; 4. Thánh chủng tính tức là địa thứ mười; 5. Đẳng giác tính là tâm Kim cang tâm; 6. Diệu giác tính là địa Như Lai. Còn gọi là sáu tuệ: văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ, vô tướng tuệ, tịch chiếu tuệ, tuệ tịch chiếu, như theo thứ tự của sáu tính. Với sáu sinh kia đủ nêu rõ bốn mươi hai quả vị Hiền Thánh. Tuy năm nhãn ở kinh này khác với số kê về sáu tính ở kinh kia, nhưng hai tính sau của kinh kia kết hợp là Tịch diệt nhãn của kinh này thì nghĩa không gì sai.

Lại nữa, Luận Du-già quyển bốn mươi bảy nói về mười ba trụ:

1. Chủng tính trụ: tức là bản tính trụ chủng tính, chưa nhập tăng kỳ, tức giống với vị thập thiện của kinh này. Luận kia nói: nghĩa là tính của chư Bồ-tát vốn tự nhân hiền, tự thành tựu công đức của Bồ-tát. Bồ-tát ứng hợp với nhiều pháp thiện, cũng hiển hiện do tính nhân hiền, gấp tạo phương tiện, khiến chuyển ở thiện, chẳng do xét chọn, có chỗ chế ước, có chỗ phòng giữ. Trụ trong trụ này thì trụ giữ tất cả chủng tử Phật pháp. Ở trong tự thể, đã có đầy đủ tất cả Phật pháp, tất cả chủng tử, Không thể hiện khởi phiền não thượng phẩm trói buộc, tạo nghiệp vô gián, hoặc đoạn thiện căn. Nói chi tiết như trong Luận kia.

2. Thắng giải hạnh trụ: Tức giống với ba phẩm của phục nhân ở kinh này. Luận ấy nói: chư Bồ-tát từ mới phát tâm cho đến chưa đắc ý lạc thanh tịnh, toàn bộ tất cả các hành Bồ-tát, nên biết đều gọi là Thắng giải hạnh trụ. Ở trong trụ này, hiện bày khắp ở tất cả Bồ-tát trụ còn lại và Như Lai trụ, đều gọi là phát khởi hướng đến (Phát thú). Trong trụ trước, tuy tu các thiện, vì tính nhân hiền, nhưng những điều mình đã làm đều chẳng phải là Bồ-đề, cố ý mà làm, chưa được gọi là phát khởi hướng tới, không nhập tăng kỳ. Còn những thứ tu ở trụ này đều gọi là phát khởi hướng tới. Nhưng trong trụ này, bằng lực tư trạch gia hạnh thực hành mạnh hơn, vì tu tuệ chưa đắc kiên cố, tương tục không thối chuyển. Pháp sư Từ Ân nói: Đó là nói chưa đạt. Tu tuệ vô lậu, không phải nói trụ này không đạt tu tuệ hữu lậu. Hoặc đó là nói về khi mới phát tâm. Bồ-tát mười tín, tám tướng thành đạo, chưa vượt quá năm thứ sợ hãi, những tu tuệ vốn có chưa kiên cố. Lại nữa, ở trong ba xứ quên mất chánh niệm.

- Ở cảnh giới vừa ý hay không vừa ý, sáu cảnh như sắc v.v... tâm bị điên đảo, quên mất chánh niệm.

- Ở trong những thân thọ sinh, đã thọ sinh rồi thì quên mất những chuyện kiếp trước.

- Với các pháp đã thọ trì, quên mất những điều đã làm, đã nói trước đây. Hoặc ở một thời nào đó, đầy đủ trí tuệ minh mẫn, vì người khác mà thuyết pháp, cố gắng mà chuyển, như bắn tên ở trong bóng tối hoặc trúng hoặc không trúng. Hoặc ở một thời, với đại Bồ-đề, tuy đã phát tâm nhưng lại thối bỏ. Hoặc có lúc dứt bỏ những luật nghi tịnh giới mà mình đã thọ học, không thể thọ học. Hoặc có lúc xả bỏ việc làm lợi lạc cho hữu tình sinh ra nhằm chán việc làm lợi ích an lạc chưa được rộng lớn. Ở trong những thứ chư Bồ-tát học, chưa thể học hết. Đối với những tướng của Bồ-tát, đều chưa thành tựu, chưa thể hiện bình đẳng trong những gia hạnh chân chính của hai loại Bồ-tát xuất gia và tại

gia. Những tướng trạng của các hành đã nói ở đây, khi hạ nhãn chuyển sang các hành thượng phẩm, khi trung nhãn chuyển thì các hành ở trung phẩm, khi thượng phẩm chuyển thì các hành ở hạ phẩm, mà mỏng nhẹ dần. Lúc nhập Sơ địa thì tất cả những tướng này đều không có.

3. Cực hoan hỷ trụ: còn gọi là Tịnh thắng ý lạc trụ, tức là tín nhãn bậc hạ của kinh này.

4. Tăng thượng giới trụ: Tức là tín nhãn trung phẩm.

5. Tăng thượng tâm trụ: Tức là tín nhãn thượng phẩm.

6. Giác phẩm tương ứng tăng thượng tuệ trụ: Tức là thuận nhãn hạ phẩm.

7. Các đế tương ứng tăng thượng tuệ trụ: Tức là thuận nhãn trung phẩm.

8. Duyên khởi lưu chuyển chỉ tức tương ứng tăng thượng tuệ trụ: Tức là thuận nhãn thượng phẩm.

9. Vô tướng hữu công dụng trụ: Tức là vô sinh nhãn hạ phẩm.

10. Vô tướng vô công dụng trụ: Tức là vô sinh nhãn trung phẩm.

11. Vô ngại giải trụ: Tức là vô sinh nhãn thượng phẩm.

12. Tối thượng thành mãn Bồ-tát trụ: Tức là tịch diệt nhãn hạ phẩm.

13. Tối cực Như Lai trụ: Tức là tịch diệt nhãn thượng phẩm.

Tuy mười ba trụ so với mười bốn nhãn, là thiếu một àm lại rộng. Vì chủng tính trụ thứ nhất, không gồm thâu nhãn. Giống với tụng sau của kinh này nói vị thập thiện. Nếu lấy vị Thập thiện làm phương tiện nhãn thì con số của luận kia so với kinh này là tương đương. Luận Nhiếp Đại Thừa thì từ mười Tín cho đến Phật địa gồm có ba mươi bốn nhãn. Địa tiền có ba nhãn, trong địa thứ mười, mỗi địa có ba nhãn thành ba mươi nhãn, Phật địa có một nhãn, thành ra là ba mươi bốn nhãn. Lại nữa, Ngài Chân đế chú thích: năm nhãn này, mỗi nhãn trị ba chương. Luận Du-già quyển bảy mươi chín nói là địa thứ bảy. Luận Duy thức thì nói là: Năm vị tu tập, đều cùng thuộc về năm nhãn trong kinh này. Người giảng xin nêu ra như vậy.

Hỏi: Kinh liệt kê các nhãn nói là thượng, trung, hạ. Thuận lý thì phải nói là hạ, trung, thượng, vì sao không theo thứ tự như thế?

Đáp: Căn cứ theo chủ thể hành hạnh thì lý thật phải vậy, nhưng nếu dựa theo chương để đối trị thì cũng không trái với lý.

Tiếp sau là phần ba. Kết luận, chỉ bày tu hành.

Kinh: Gọi là Bồ-tát tu hành Bát-nhã Ba-la-mật đa

Giải thích: Là phần kết.

Sau đây là phần hai - Nói rộng về năm nhẫn, trong đó chia làm hai:

1. Rộng nói về năm nhẫn; 2. Kết luận, tu các nhẫn.

Nói rộng về năm nhẫn, vẫn lại chia làm năm:

1. Nói về Phục nhẫn, trong đó chia làm ba phần:

- Tập chủng tính.

- Tính chủng tính.

- Đạo chủng tính.

Trong phần một - Tập chủng tính, chia làm ba:

- Nêu vị - Biện minh tướng.

- Chánh giải tu hành.

- Kết làm Thánh thai.

Đây là phần một - Nêu vị biện minh tướng

Kinh: Này thiện nam! Thứ nhất là vị Phục nhẫn, khởi tập chủng tính, tu hạnh Thập trụ.

Giải thích: “Vị Phục nhẫn”: Trong năm nhẫn, Phục nhẫn xếp thứ nhất. Bên trong phục nhẫn, là vị đầu tiên trong ba phẩm, bắt đầu nhập vào Tăng kỳ, nên gọi là “thứ nhất”. “Phục” nghĩa là chiết phục, “nhẫn” nghĩa như trên. “vị” là ngôi vị, vị thứ. Đây là hạ nhẫn.

“Khởi tập chủng tính”: Khởi là sinh khởi, vượt qua thập thiện trước đó, nhập vào vị nhẫn. Tập là tu tập. “chủng tính” là tương ứng thuận lý, làm nhân thù thắng cho về sau này, nên được gọi là “chủng” do hiện chủng huân tập, tập thành tính.

“Tu hạnh thập trụ”: Kinh này chỉ lược nêu không liệt kê các tên gọi của thập trụ. Như kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập trụ nói; là Phát tâm trụ, Trị địa trụ, Tu hành trụ, Sinh quý trụ, Cụ túc phương tiện trụ, Chánh tâm trụ, Bất thối trụ, Đồng chơn trụ, Vương tử trụ, Quán đảnh trụ. Về hành tướng của trụ thì đến đoạn sau sẽ nêu rõ.

Kế tiếp là phần hai - Chánh giải tu hành, trong đó có bốn:

1. Tướng Phát tâm:

Kinh: Một là Tướng phát tâm, có hằng hà sa chúng sanh thấy Phật Pháp Tăng.

Giải thích: “Một là tướng phát tâm”: Ngài Tam Tạng Trưởng Nhĩ nói:

Thứ nhất là tập chủng tính có ba tướng phát tâm: 1. Phát tướng giả;

2. Phát tướng khinh; 3. Tín tướng phát.

Phát tướng giả: Nhờ ba loại lực: 1. Thiện hữu lực: là thiện tri thức;

2. Hạnh lực: là thọ luật nghi; 3. Pháp lực: là hai nhân chung và riêng.

Chung là Như Lai tạng. Biệt là năm căn như Tín... nhờ ba lực đó, ở Bồ-đề Phật, giả khởi tướng Bồ-đề, để cầu tự an và an cho các hữu tình.

Giống như các Thanh văn quán các thứ chẳng phải màu xanh, giả khởi tướng màu xanh nên có thể chế phục được hoặc. Đây cũng vậy nên gọi là phát tướng giả. Từ đó về sau, những tướng tiếp theo, tu tập không ngừng, nghĩa còn khó biết, ví như sợi lông nhẹ, không vướng mắc vào đâu, gọi là phát tướng khinh. Tiếp tục, những tâm sau này, ngọc tín hiển hiện, gọi là tín tướng phát, đặc nhập mười tín, gọi là Tướng phát tâm.

“Có hằng hà sa chúng sanh”: Đây là nói về số người phát tâm tuy nhiều, nhưng người đạt đến bất thối, nhập vào vị nhẫn thì con số rất ít. Ví như trứng cá và hoa của cây Am La, cả hai thứ đó tuy số rất nhiều nhưng kết thành cá con và trái thì rất ít.

“Thấy Phật Pháp Tăng”: là nói về duyên phát tâm, hoặc lại nghe thuyết về tam bảo nhất thể, tự tính thường trụ, hoặc thấy biệt tướng của trụ trì Tam bảo, do lực chỉ dạy, ở trong Tam bảo, phát khởi vô thượng, tướng phước điền, tốt đẹp sinh tin chắc, nhập vào mười tín.

Tiếp sau là phần hai - Nói về tâm mười tín:

Kinh: Phát khởi mười tín, là tâm tín, tâm niệm, tâm tinh tiến, tâm tuệ, tâm định, tâm bất thối, tâm giới, tâm nguyện, tâm hộ pháp, tâm hồi hướng, tức đủ mười tâm đó.

Giải thích: Câu đầu là nêu chung:

Tâm Tín: là trong lắng làm tính, khéo thuận Tam bảo, lìa bất tín.

Tâm Niệm: là tính ghi nhớ rõ, khiến cho tâm chẳng đoạn, lìa sự quên niệm.

Tâm Tinh tiến: cả ba nghiệp đều cố gắng, đều khiến bất thối, lìa biếng nhác.

Tâm Tuệ: là lựa chọn làm tính, khiến tâm trị đoạn lìa ác kiến.

Tâm Định: là chuyên chú làm tính, khiến tâm chẳng động, lìa tán loạn.

Năm tâm trên tức là năm căn, sinh ra tất cả các công đức, cũng tức là năm lực, không bị tất cả những chướng ngại mình đối trị làm khuấy động.

Tâm Bất thối: khiến cho năm căn lực, có đủ sức chịu đựng, sẽ không bị thối chuyển khởi tà kiến mạnh chặt đức thiện căn làm xiển đề. Vì vậy mà quyển sau nói: “Nếu đạt đến vị nhẫn, nhập chánh định tự , không tạo năm nghịch, không hủy báng Phật pháp”. Do vậy mà nói đạt đến tâm thứ sáu thì không bị những thứ bất thiện làm cho thối động. Là tín bất thối trong bốn bất thối.

Tâm Giới: ngăn chặn đề phòng thân, ngữ, khiến cho tâm được điều hòa, lìa sự phá giới.

Tâm Nguyên: Về thể thì như trên đã nói, cầu Bồ-đề, nguyện lợi lạc hữu tình, nguyện không bị gián đoạn.

Tâm Hộ Pháp: Là thủ hộ sáu căn, lìa cảnh trần, bảo vệ, giữ gìn chín tâm kia, đừng để bị mất, hoặc với Tam bảo, không tiếc thân mạng, thường bảo vệ.

Tâm Hồi hướng: Là chín tâm đã tu trên và Hạnh thù thắng, hồi hướng thí cho chúng sanh, hồi hướng cầu Bồ-đề, Hồi hướng Niết-bàn, không cầu pháp Thế gian và Nhị Thừa.

Lại nữa, Kinh Anh Lạc nói: Mười tâm hỗ trợ nhau, mỗi tâm có mười, tức là tu hành môn trăm pháp sáng tỏ, thường phát vô lượng vô đại nguyện, hữu hành, vô hành, đắc nhập Tập chủng tính.

Đủ mười tâm: Là đối với mười tâm, cần phải tu cho đầy đủ, thiếu một trong những tâm đó thì chẳng phải là ngôi vị này. Mười thứ đó đều gọi là tâm, vì tâm thì lấy duyên lực làm chính. Năm tâm từ tâm tín đến tâm thứ năm là tâm Sở Pháp luôn dựa nơi tâm trụ khởi tất tương ứng. Năm tâm sau từ tâm bất thối là thắng dụng của chúng. tâm tự tại, nên đều gọi là tâm. Đoạn trên kinh này đã nói: “Thứ nhất là vị phục nhĩ, khởi tập chủng tính, tu hạnh thập trụ.” Nay liệt kê ra mười Tín, nói là đủ mười tâm, tức là ý nói người tu đủ cả mười tâm mới nhập Thập trụ. Do đâu mà biết? Kinh Anh Lạc nói: Cả Hiền và Thánh, có mười tâm đó, mới gọi là Thập Trụ.

Trong kinh Hoa Nghiêm vốn nói đủ cả hạnh vị. Địa Tiên có ba mươi, Thập trụ là đầu không khác với thập tín, không ứng hợp thập tín tức cho là ngoại phạm. Tức trái với vị Phục nhĩ ở kinh này. Do đây Thập Thiện, tuy là tu hành, nhưng có tiến có thối giống như lông tơ. Với mười ngàn kiếp, tu tập tăng thắng, đầy đủ không thối chuyển mới gọi là nhập kiếp, xưng là vị Tập nhĩ, tức trong Thập trụ thuộc về Phát tâm trụ.

Dưới đây là phần ba: Lợi sinh sai khác.

Kinh: Mà Nhưng có thể giáo hóa một phần ít các chúng sanh

Giải thích: Nói về lợi tha. Như đoạn sau nói: “Tập chủng Đồng luân, giáo hóa hai thiên hạ. Kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát trụ này khuyên học mười pháp, là siêng cúng dường Phật, thích trú nơi sanh tử, chủ đạo hướng dẫn thế gian, khiến trừ nghiệp ác, dùng pháp thắng diệu thường hành dạy bảo, tán thán pháp vô thượng, học công đức Phật, sinh trước chư Phật, thường nhờ thâm nhận, tạo phương tiện diễn thuyết Tam muội tịch tĩnh, tán thán việc xa lìa sanh tử luân hồi, làm chỗ quy y cho những chúng sanh khổ nạn.

Pháp thứ ba - Chủ đạo thế gian, tức là Luân vương này.

Pháp thứ mười: Làm chỗ quy y cho chúng sanh khổ nạn, tức là tám tướng thành Phật.

Kinh này nói: “giáo hóa các chúng sanh”, tức là trong kinh Hoa Nghiêm nói thế, xuất thế giáo hóa.

Hỏi: Sau khi gồm vào bậc đầu, phải biết Thập trụ, Nếu vậy sao lại nói là giáo hóa một phần nhỏ.

Đáp: So với Thập thiện trước thì có thể nói là lớn, nhiều. Nhưng so với những ngôi vị sau thì chỉ nói là một phần nhỏ.

Tiếp theo là bốn phần - Vượt địa Nhị thừa.

Kinh: Vượt quá, tất cả Địa Thiện của Nhị Thừa.

Giải thích: Vượt qua quả Hữu học và vô học của Nhị Thừa.

Tất cả Địa Thiện: Theo kinh Đại Bát-nhã: Cả ba Thừa cùng hành chung địa thứ mười: 1. Càn-tuệ-địa; 2. Tính Địa; 3. Bát Nhân Địa; 4. Kiến Địa; 5. Bạc Địa; 6. Ly Cấu Địa; 7. Dĩ Biện Địa; 8. Độc Giác Địa; 9. Bồ-tát Địa; 10. Như Lai Địa.

Trong địa thứ mười này, Bồ-tát là địa thứ chín. Nay Tập chủng vị ở đây, do phát đại tâm, cùng tu hai lợi, tuy là Hạ nhẫn nhưng vượt cả địa thứ tám trước, nên bảo là vượt quá tất cả địa thiện. Lại nữa, nói theo nghĩa thì Nhị thừa đều dùng Hữu Kiến mà tu vô học, Bồ-tát thì siêu vượt những thứ kia, nên bảo là tất cả.

Sau đây là phần ba - Kết, làm Thánh thai.

Kinh: Đó là Bồ-tát, bắt đầu nuôi dưỡng tâm, là Thánh thai.

Giải thích: Ở Vị ba Hiền, đều gọi là Thánh thai. Nếu ra ở đây là thân nhiếp gồm luôn ở những ngôi vị khác.

Thai: Tự chủng làm nhân, bạn thiện làm duyên, do Tịnh pháp giới, đẳng lưu của nghe, chánh pháp, tu tập nuôi lớn. kiến đạo của sơ Địa, sinh vào nhà Phật.

Tiếp đây là phần hai - nói về tính chủng tính, trong đó có ba phần: 1. Nêu vị, biện minh tướng; 2. Chánh giải tu hành; 3. Kết, vượt đảo tướng.

Đây là phần một - Nêu vị, biện minh tướng.

Kinh: Lại nữa, Bồ-tát Tính chủng tính tu hành mười loại Ba-la-mật-đa.

Giải thích: Tính chủng tính: Tính nói ở đây là tính của Tập chủng trước đã tu tập mà thành, nên bảo là Tính. Nói? “chủng tính”: Tập chủng tính trước đã hiện rõ, như nhân đồng loại, dẫn sinh ra chủng tính này. Tức là hạt giống của Tính, tính chất của hạt giống.

Hỏi: Luận Du-già nói: 1. Bản tính trụ chủng tính. 2. chủng tính do tu tập mà thành.

Kinh này lại nói: 1. Tập chủng tính; 2. Tính chủng tính. Vì sao Kinh và Luận nói về hai tính đó thứ tự trước sau lại trái nhau?

Đáp: Ý trong Luận nói là: Trước tiên lấy tính làm gốc, nương theo gốc tu tập, sau đó quen dần thành tính. Ý trong Kinh nói là: Trước tiên là tu tập, tập thành chủng tính, sau đó lấy cái tập thành làm tính chủng tính. Luận thì dựa theo gốc tập, chưa tập, đã tập, còn Kinh thì chỉ Tu tập, mới tập, Tập lâu. Mỗi cách nói đều căn cứ theo một nghĩa, cũng không trái nhau.

Nói Bồ-tát: là Bồ-tát Thập hạnh. Như Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập hạnh nói là: Hạnh Hoan hỷ, Hạnh nhiều ích, Hạnh không trái nghịch, Hạnh không quấy nhiễu, Hạnh lìa Si Loạn, Hạnh Thiện Hiện, hạnh không chấp trước, hạnh nan đắc, hạnh thiện pháp, hạnh chơn thật.

Tu hành mười loại Ba-la-mật đa: là thực hành mười độ. Bồ-tát Thập hạnh, mỗi bậc tu một Hạnh, tức là mười độ.

Tu hành những gì? Các hành Bồ thí, Trì giới... gọi là Ba-la-mật đa. Luận Duy thức nói: phải được thấu nhận thọ trong bảy tối thắng, mới có thể kiến lập Ba-la-mật-đa. 1. An trụ tối thắng; nghĩa là phải An trụ nơi chủng tánh Bồ-tát; 2. Y chỉ tối thắng; là phải y chỉ nơi tâm Đại Bồ-đề; 3. Ý Lạc tối thắng; là phải thương xót tất cả Hữu tình; 4. Sự nghiệp tối thắng; là phải thực hành đủ tất cả sự nghiệp; 5. Xảo tiện tối thắng; là phải thuộc về trí vô tướng. 6. Hồi hướng tối thắng; là phải Hồi hướng đến Bồ-đề vô thượng; 7. thanh tịnh tối thắng là không bị hai chướng xen tạp. Nếu người thọ trì chẳng thuộc về bảy điều trên thì những hạnh mà mình tu chỉ gọi là Bồ thí... chẳng phải là đến bờ giác (Ba-la-mật). Bồ-tát ở Ngôi vị này, nương theo tương tự mà tu chứng, những hạnh khi đăng Địa đều đạt đến bờ giác.

Tiếp đến là phần hai - Chánh giải tu hành. Trong đó chia làm ba:

1. Nêu mười đối trị. 2. Chánh giải về đối trị, 3. Lợi sinh sai khác, đây là phần một - Nêu mười đối trị.

Kinh: khởi 10 đối trị:

Giải thích: Khởi: nghĩa là Sinh khởi. 10: là nêu chung.

Đối là đối quán. Trị tức là trị bỏ.

Kế tiếp là phần hai - Chánh giải về đối trị. Văn có ba phần:

1. Đối trị bốn đảo:

Kinh: Nghĩa là quán sát thân, thọ, tâm, pháp là bất tịnh, các khổ,

vô thường vô ngã.

Giải thích: Quán sát: Quán: là Đối Quán. Sát: là xem xét, thẩm xét. Thể của quán là Tuệ.

Thân Thọ tâm pháp; là cảnh sở quán. Thân: là sự tương tục. Như trong Trí Luận nói: Thân: là sắc uẩn Thọ: là Thọ uẩn. Tâm là Thức uẩn. Pháp xứ, pháp giới đều gọi là pháp. Bất tịnh v.v... là hành của năng tri. Do lực vọng phân biệt từ vô thủy đến nay, nên đối với Thân, thọ v.v... cho là tịnh. Nhờ quán sát mà biết Thân là bất Tịnh, biết Thọ đều là khổ, biết tâm là vô thường, biết pháp là vô ngã, nên lìa tướng điên đảo. Lại nữa, hiểu rõ được Thân, Thọ... tự tính của chúng là “không”, thì đều Lìa bỏ tất cả đảo.

Sau đây là phần hai - đối trị ba độc:

Kinh: đối trị ba căn bất thiện: tham, sân, si. khởi ba loại căn thiện: thí, từ, tuệ.

Giải thích: Trị: là nêu chung năng tri và sở tri tham sân si là sở tri. nghĩa là: Do ý thức đối cảnh vừa ý thì sự tham muốn càng tăng theo, với cảnh không vừa ý thì sân hận tăng theo. Cảnh trung bình thì vô minh tăng theo. Vì ba loại căn bất thiện căn đó mà sinh ra mạn... và tùy phiền não. Nếu cả ba thứ đó đều được điều phục thì các tùy phiền não khác cũng được chế phục.

Khởi thí, từ, Tuệ: là hành của năng tri. Thí là không tham, xả thí tài và pháp. Từ: là không sân, cho người khác niềm vui. Tuệ là do không Si, tức là Chánh Tuệ. Nhờ ba loại căn thiện đó mà sinh ra các công đức của vạn hạnh.

Kế đến là phần ba - Đối trị Tam thế (ba đời).

Kinh: Quán sát ba đời: nhân nhân của quá khứ; nhân nhân quả của hiện tại, nhân quả của vị lai.

Giải thích: Thể của nhân tức là Tuệ đã giải thích như trên.

Quán nghiệp quá khứ, khởi nhân nhân quá khứ từng làm. Quán sắc tâm hiện tại là quả của nhân quá khứ từng làm, là nhân của quả đương lai mà khởi nhân về nhân quả. Quán pháp vị lai khởi nhân về quả đương lao.

Quán pháp vị lai, khởi Quả nhân sẽ có. Tuy chỉ là hiện tại, Thể của Quá khứ, vị lai không có, nhưng do sự báo trả và sự dẫn khởi mà giả biến thành Quá Khứ, vị lai. Lại nữa, theo pháp duyên sinh là: vô minh hành làm nhân của đời trước. năm chi thức v.v... làm Quả hiện tại. Ái, Thủ, hữu, làm Nhân hiện tại. Sinh, Lão tử làm Quả vị lai. Đó là dựa theo phần vị nơi Nhân quả của ba đời. Vì để phá chấp cho là không

có nhân quả và chấp Đoạn Thường, khiến biết Nhân duyên như huyền ảo, tựa như có quán sát. BỒ-tát ở vị này, quán bốn thứ; Thân, Thọ tâm pháp... để lia bốn đảo. Quán ba thứ tâm v.v... mà lia sự trói buộc trong tu hành. Quán pháp ba đời (thời gian) có nhưng không thật. Vì vậy khiến cho quán sát, để tu hạnh tốt hơn.

Dưới đây là phần ba - Phạm vi lợi sinh.

Kinh: Bồ-tát nơi vị này, rộng làm Lợi ích chúng sinh

Giải thích: Tính Chủng làm Ngân Luân vương, hóa độ ba thiên hạ, hơn vị Tập chủng trước, cho nên bảo là rộng làm lợi ích.

Kinh: vượt quá các tướng Ngã kiến, Nhân kiến, Chúng sanh kiến... không bị các tướng điên đảo của ngoại đạo hủy hoại.

Giải thích: Ngã, Nhân v.v... là các loại Ngã như Thọ giả, Tác giả, Mệnh giả, Sĩ phu.

Ngoại đạo: là các Sư của Tà Luận

Tướng đảo: là bốn tướng đảo, tương ứng với bốn tướng điên đảo.

Không thể hủy hoại: Người năng chấp (tà sư) và pháp sở chấp của họ (tà pháp) không thể hủy hoại, Vì do lực Thắng giải của Bồ-tát đó đều vượt qua các tà sư, tà pháp.

Sau đây là phần ba: Nói về Đạo chủng tính. Văn có ba phần như trên:

1. Nêu vị, biện minh Tướng:

Kinh: Lại nữa, Bồ-tát Đạo chủng tính tu mười Hồi hương.

Giải thích: Đạo chủng tính: là địa thứ nhất bình đẳng với Thánh đạo. Đây dẫn khởi cho kia sinh làm hạt giống cho Đạo. Tính của Hạt giống, hạt giống của Đạo, gọi là Đạo chủng tính, cả hai đều nương vào chủ.

Nói Bồ-tát: là nêu người thực hành (chủ thể).

Tu Mười hồi hương: là Lược nêu. Như Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Hồi hương nói: là Hồi hương cứu hộ tất cả chúng Sanh, lia chúng sanh. Hồi hương Bất Hoại. Hồi hương đẳng nhất thiết Phật. Hồi hương đến tất cả xứ. Hồi hương vô Tận Công Đức Tạng. Hồi hương tùy thuận kiên cố tất cả Thiện căn. Hồi hương Cùng Tùy Thuận tất cả chúng Sanh. Hồi hương chơn thật. Hồi hương giải thoát không bị vướng mắc, không bị trói buộc. Hồi hương vô lượng pháp giới bình đẳng, nghĩa của chúng như sau sẽ giải thích.

Tiếp đến là phần hai - Chánh giải tu hành. Trong đó có hai phần:

1. Nêu chung về mười hạnh:

Kinh: Khởi mười tâm hạnh

Giải thích: Đây là nêu chung.

Sau đây là phần hai - Chánh biện minh về đối trị. Trong đó có ba:

1. Đối quán năm nhãn.

Kinh: nghĩa là quán năm uẩn: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, đặc giới nhãn, định nhãn, tuệ nhãn, giải thoát nhãn, giải thoát tri kiến nhãn.

Giải thích: Năm uẩn và nhãn, nghĩa chúng như trên đã giải thích. Đối quán năm uẩn, đặc uẩn giải thoát. nghĩa là, Quán lỗi lầm của tự thân, lời nói, do Lực của tư nguyện, chặn ngừa bảy chi tội về thân ngữ mà đặc giới nhãn. Tiếp nữa là quán Thọ uẩn, vọng sinh thân nạp các thọ lay động, do Định Chuyên chú mà đặc Định nhãn. Tiếp nữa là quán Tưởng uẩn, giữ lấy những hình ảnh yêu, ghét... lý luận phân biệt, khởi lên các danh từ, ngôn ngữ, lời nói, như Họa sĩ, tô màu vẽ cảnh, do Tuệ phân biệt lựa chọn giản trạch mà đặc Tuệ nhãn, Tiếp nữa là quán hành uẩn, tạo tác nhiều loại nghiệp trong ba cõi, bị sinh tử trói buộc, do Tuệ lia trói buộc (Ly hệ) mà giải thoát tự tại, đặc Giải thoát nhãn. Sau là quán Thức uẩn, do vọng tưởng phân biệt, khởi các tri kiến chấp giữ sáu trần. Do Tuệ không phân biệt, (vô phân biệt trí) mà giải thoát thanh tịnh, đặc giải thoát tri kiến nhãn. Từ đối năm uẩn mà đặc giải thoát uẩn. Đó là dựa theo ngôn thuyết mà kiến lập theo thứ tự. Như theo thật nghĩa thì dùng Tuệ vô phân biệt, quán năm uẩn đều là không, ở trong từng mỗi niệm đều có đủ năm nhãn.

Kế tiếp là phần hai - Đối quán ba nhãn

Kinh: Quán nhân quả trong ba cõi đạt được không nhãn, vô tướng nhãn, vô nguyện nhãn.

Giải thích: Ba cõi là Xứ nương tựa để quán.

Nói Nhân quả: Là nghiệp nhân, thức quả tức là chủ thể sinh. Quán năng cảm, sở cảm mà đặc ba nhãn. nghĩa là đối với ba cõi và nhân quả kia, chấp là có “thể” thật, quán đó là không chỉ do biến kế mà đặc không nhãn. Không đó hiển rõ ra Chơn Như thanh tịnh, không có mười tướng, cho nên đặc vô tướng nhãn, Nhân và Quả Hữu Lộ là hư vọng chúng sinh, nương theo đó mà tu hành, đối với nhân quả này không nguyện cầu nên đặc vô nguyện nhãn

Dưới đây là phần ba - Đối quán hai nhãn.

Kinh Quán hai đế giả thật, các pháp vô thường, đặc vô thường nhãn. Tất cả pháp không, đặc vô Sinh nhãn.

Giải thích: Quán hai đế Giả Thật; Giả tức là Thế Tục. Thật tức là Thắng nghĩa, là nêu hai đế.

Các Pháp vô thường, đặc vô thường nhãn Hữu Vi thì biến đổi tàn

lợi, sát-na không dừng, đắc vô thường nhãn. Quán tất cả pháp không có tự tính, Thế rỗng lặng, chẳng sinh diệt, đắc vô sinh nhãn. Cả hai thứ đó dẫn khởi sinh ra hai loại chánh quán an lập và phi an lập đến phần sau sẽ nêu rõ. Bồ-tát ở vị này quán uẩn lưu chuyển, đắc uẩn giải thoát. Quán nhân quả trong ba cõi, đắc Tam không nhãn. Quán hai đế thật giả, đắc vô sinh nhãn, đều là nương theo giải thoát đối trị Đảo, tiến tu dẫn sinh Thánh đạo mà chứng Địa thứ nhất.

Kế đến là phần ba - kết, nói rõ việc hóa độ lợi ích.

Kinh Bồ-tát ở vị này, làm Chuyển Luân vương, có thể rộng hóa độ tạo lợi lạc cho tất cả chúng sinh.

Giải thích: Tức là kim Luân vương, giáo hóa bốn thiên hạ, vượt qua vị trước, nên bảo là “rộng hóa độ”.

Sau đây là phần hai - Nói về vị Tín nhãn. Văn chia làm ba phần như trên: 1. Nêu nhãn, biện về vị.

Kinh: Lại nữa, Bồ-tát Tín nhãn là Địa Hoan hỷ, Địa Ly cấu, Địa Phát Quang.

Giải thích: Đó là Thánh Vị:

Nói Tín nhãn: Là chứng Tín. Bồ-tát ở vị này chính mình chứng Chơn như, tam bảo và Giới đều là chứng tịnh, nên ba Địa này cùng gọi là Tín nhãn. Tuy các Địa sau cũng có bốn thứ này (Tam bảo và giới), nhưng đây là mới bắt đầu hiện chứng được nên gọi là chứng Tịnh, gia hạnh và hậu đắc đa phần là duyên theo đó.

Hoan hỷ: nghĩa là mới bắt đầu đạt được tánh Thánh, chứng đủ cả hai Không, có thể làm ích lợi cho mình và người nên sinh đại hỷ.

Địa: là chỗ nương vào đó mà sinh trưởng, Trí, Như tương ứng. Phần sau sẽ nêu rõ.

Địa Ly cấu: là có đủ tịnh Thi la thanh tịnh, xa lìa các phiền não cấu các thứ hủy phạm giới vi tế.

Địa Phát Quang: là Thành tựu định thù thắng, đại pháp tổng trì, có thể phát vô biên Tuệ Quang vi diệu.

Dưới đây là phần hai: Chánh giải tu hành, trong đó chia làm hai: 1. Đoạn trừ ba chướng.

Kinh: Có thể đoạn trừ ba chướng, phiền não trói buộc của Sắc

Giải thích: Nói ba chướng là: như phần sau của kinh nói: Sơ Địa diệt các Tham trong ba cõi. Địa thứ hai đoạn tập Sân... Địa thứ ba diệt vô minh ám. Ba chướng này đến phần sau sẽ nói rõ. Về chướng bị đoạn như Luận Duy Thức quyển mười nói: Chướng có hai loại:

1. Phiền não chướng.

2. Sở tri chương.

Trong Phiền não chương, loại do Kiến đạo đoạn thì Nhị thừa kiến đạo, đều có thể đoạn dứt hết. Còn loại do Tu đạo đoạn, thì đến định Kim-Cang mới có thể đoạn dứt hết. Hoặc Bồ-tát thì loại do kiến đạo đoạn đến kiến đạo đoạn hết, còn loại do Tu đạo đoạn thì phải đến định Kim-cang, trong một lúc tức thì đoạn dứt. Trong Sở tri Chương loại do kiến đạo đoạn cũng đến kiến Đạo thì đoạn. Còn loại do tu đạo đoạn thì từ sau Sơ Địa cho đến định Kim-cang mỗi Địa đoạn riêng từng phần. Kinh này nói ác chương ở ba Địa cùng hiện hành với Tham, Sân, Si và loại do tu đạo đoạn.

Khấp sáu thức, có thể phát khởi nghiệp sắc hoặc là duyên với cảnh sắc, gọi là phiền não sắc, Tự tính của phiền não là pháp trói buộc, nên gọi là “trói buộc”. nghĩa là trong cả ba địa mỗi địa đều tu hạnh thù thắng. Tham đều trừ bỏ vĩnh viễn gọi là đoạn.

Sau đây là phần hai: Nói về các hành. Trong đó chia làm hai: 1. Tu các hành; 2. Kết về Hạnh căn bản.

Trong phần một - Tu các hành, lại chia làm bốn:

1. Bốn Nhiếp pháp.

Kinh: hành bốn Nhiếp pháp là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự

Giải thích: Bố thí v.v... là do tương ứng với các Thiện căn không tham mà thâm giữ lấy chúng sanh. nghĩa như ở trên đã giải thích, là phương Tiện giáo hóa.

Tiếp theo là phần hai - Nêu bốn vô lượng tâm

Kinh: Tu bốn vô lượng tâm: Từ vô lượng, Bi vô lượng, Hỷ vô lượng, Xả vô lượng.

Giải thích: Từ Bi v.v... là do thiện căn không Sân v.v... tương ứng với sự làm lợi vô lượng. nghĩa như trên đã giải thích là sự thương xót hóa độ.

Kế nữa là phần ba - Nêu bốn Nguyện rộng.

Kinh: Đủ bốn Hoằng Nguyện, đoạn các thứ Triền cái thường hóa độ chúng sanh, tu tri kiến Phật, thành vô thượng giác.

Giải thích: Bồ-tát đã tu ắt đủ vạn hạnh, đại nguyện đã phát có bốn thứ ấy.

Đoạn các triền cái: do phiền não nên trói buộc hữu tình, do chỗ nhận biết nên che lấp thắng tuệ không được hiện khởi. Hoặc là mười Triền, năm Cái, kiến hoặc, tu hoặc theo chỗ ứng hợp, như phân biệt thông thường. Đó là nói về Đoạn.

Thường hóa độ chúng sanh: là tất cả bốn loài hữu tình (tứ sanh) ở

trong hai cõi. Đó là nói về thường hóa độ.

Tu tri kiến Phật: là đều tu tập hằng sa diệu hạnh của Chư Phật, Thế Tôn. Đó là nói về thường tu.

Thành vô thượng giác: Nghĩa là Địa thứ nhất này đối với Chánh Giác vô thượng của Chư Như Lai nêu rõ là sẽ chứng đắc. Bốn nguyện rộng này, câu đầu và cuối là tự lợi, hai câu giữa là lợi tha.

Tiếp sau là phần bốn - Nói về ba Giải thoát môn.

Kinh: Trụ nơi ba Giải thoát môn không Giải thoát môn. vô tướng Giải thoát môn, vô nguyện Giải thoát môn.

Giải thích: Nghĩa của ba Giải thoát môn như trên đã giải thích. Nói ba Tam muội thì chung cho cả hữu lậu và vô lậu, nói Giải thoát môn thì vô lậu. Ba Giải thoát môn chung cho cả các Địa.

Dưới đây là phần hai - Kết về Hạnh căn bản.

Kinh: Đó là căn bản của các hành thuộc về Bồ-tát Ma-ha-tát từ sơ phát tâm đến Nhất-thiết-trí.

Giải thích: Đó là các hành như bốn Nhiếp v.v... nghĩa là các Bồ-tát từ mới phát tâm, tùy lực tu tập, cho đến thành Phật, đều dùng những thứ đó làm căn bản các hành.

Tiếp đến là phần ba: Kết về hóa lợi.

Kinh: Lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh.

Giải thích: Bồ-tát Sơ Địa đi đến trăm cõi Phật. Bồ-tát Địa thứ ba đi đến ngàn cõi Phật. Bồ-tát thứ ba Địa đi đến vạn cõi Phật, tạo lợi ích, an lạc cho các chúng sanh ở đó.

Sau đây là phần ba: Nói về vị Thuận nhẫn. Văn có ba phần như trên: 1. Nêu nhẫn biện minh vị:

Lại nữa, Bồ-tát Thuận nhẫn: là Địa Diệm Tuệ, Địa-nan thắng, Địa Hiện tiền.

Giải thích: Nói Thuận nhẫn là: Chủ thể thuận là Tuệ, đối tượng được Thuận là Như. Do Tuệ tùy thuận, thuận hướng, thuận quán, đến vô sinh ở sau tức là nhẫn của nhẫn, gọi là Thuận nhẫn. Như Luận Thập Địa quyển tám nói: Tùy thuận pháp Chơn Như bình đẳng, Địa thứ tư thứ năm đắc nhẫn hạ phẩm, trung phẩm. Địa thứ sáu đắc nhẫn thượng phẩm thấy đều tùy thuận vô sinh pháp nhẫn. Còn nhẫn này thì chẳng phải là vô sinh nhẫn.

Địa Diệm Tuệ: là an trú nơi pháp Bồ-đề phần tối thắng, đốt củi phiền não, lửa Tuệ thêm sáng.

Địa-nan-thắng: hai trí Chơn và Tục, hạnh và tướng kết hợp nhau, khiến tương ứng với rất khó vượt qua.

Địa Hiện tiền: Trụ nơi trí duyên khởi, dẫn phát Bát-nhã vô phân biệt tối thắng, khiến trí ấy hiện tiền.

Dưới đây là phần hai - Chính nói về đoạn chương

Kinh: Có thể đoạn trừ ba chương, phiền não buộc tâm

Giải thích: Có thể đoạn trừ ba chương: như phần sau kinh nói. Địa thứ tư vĩnh viễn đoạn thân biên kiến vi tế. Địa thứ năm, đoạn tâm ưa thích cầu Niết-bàn. Cửa Tiểu thừa. Địa thứ sáu đoạn các tướng thô hiện hành của các tập nhân tập nghiệp nơi ba cõi. Phiền não buộc tâm: Ba chương nêu trên chỉ là ý thức nên đều gọi là tâm. Nói Phiền não: Như nơi Luận Thập địa đã nói rõ. Sau đây là phần thứ ba: Kết nêu rõ về lợi tha.

Kinh: Có thể với một thân, đến khắp ức cõi Phật trong mười phương, hiện bày thần thông không thể nói hết, biến hóa tạo mọi lợi lạc cho chúng sanh.

Giải thích: Bồ-tát địa thứ tư đi đến ức cõi Phật. Bồ-tát địa thứ năm đi đến trăm ức. Bồ-tát địa thứ sáu đi đến ngàn ức.

Không thể nói hết: Là hiển bày về số nhiều.

Tiếp theo là phần bốn: Nêu rõ về vô sanh pháp nhãn. Văn gồm ba như trước.

Phần một là nêu nhãn. Biện về Vị.

Kinh: Lại nữa, Bồ-tát vô sanh nhãn, là Địa Viễn hành, Địa chẳng động, Địa Thiện tuệ.

Giải thích: Nói vô sanh: Tức là lý chân. Trí chứng đắc lý chân, gọi là vô sanh nhãn. Kinh giải Thâm Mật. Luận Du-già, Luận Duy Thức đều nói ba Tính gọi là vô sanh: Bản tính vô sanh, tự nhiên vô sanh, Hoặc khổ vô sanh. Nếu trí của chủ thể chứng đắc thì gọi là vô sanh nhãn. Gồm luôn Như của đối tượng được chứng đắc, gọi là vô sanh pháp nhãn.

Địa Viễn hành là đạt đến vô tướng trụ, biên vực sau cùng của công dụng, ra khỏi đạo Nhị thừa thế gian.

Địa chẳng động: Là vô phân biệt trí tự nhiên hiện hành tương tục, đối với tướng, dụng, phiền não không thể làm cho lay động.

Địa Thiện Tuệ: Là thành tựu bốn vô ngại giải vi diệu, có thể hiện bày khắp mười phương khéo thuyết giảng chánh pháp.

Sau đây là phần thứ hai chính nêu về đoạn chương.

Kinh: Có thể đoạn trừ tập khí sắc tâm nơi ba chương.

Giải thích: Có thể đoạn ba chương: Như phần sau của kinh nói:

Địa thứ bảy đoạn trừ tướng hiện hành vi tế của các nghiệp quả.

Địa thứ tám đoạn trừ các công dụng địa thứ chín đoạn trừ chướng không còn trở ngại, tức là đoạn trừ ba chướng.

Tập khí sắc tâm: Là chung cho chủng tử và hiện hành. nghĩa là đối với Sở tri chướng, Địa thứ sáu trước trong địa thứ mười, mỗi Địa đều đối trị một phần, là hạ phẩm của chướng ấy tức các thứ thô trọng của Sắc tâm, nên ba địa này đều đoạn trừ riêng.

Tiếp sau là phần ba tóm kết về lợi tha.

Kinh: Mà có thể thị hiện thân tướng tùy theo loài không thể nói hết, tạo lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Giải thích: Bồ-tát địa thứ bảy an trụ ở trăm ức cõi Phật. Bồ-tát địa thứ tám trụ nơi trăm vạn ức vi trần số cõi Phật Bồ-tát Địa thứ chín trụ nơi trăm vạn ức A-tăng-kỳ vi trần số cõi Phật, đi đến những cõi kia, hiện thân không thể nói hết, tùy theo loài, tạo lợi ích cho các chúng sanh.

Tiếp sau là phần năm - Nói về Tịch diệt nhãn. Văn có ba phần như trên.

1. Nêu nhãn biện vị.

Kinh: Lại nữa, Tịch diệt nhãn là Phật và Bồ-tát cùng nương theo nhãn này.

Giải thích: Tịch diệt: tức là Chơn Như. Trí chứng Tịch diệt, gọi là Tịch diệt nhãn, tức là nhãn của nhãn theo hai cách giải thích mà được mang tên. Theo phần sau kinh, nói thì khi nhập vào Địa này thì đoạn dứt mọi chướng của thần thông, đến sau sẽ nêu rõ.

Phật và Bồ-tát: là nêu người năng nhãn chủ thể. nghĩa là Bồ-tát đó, bắt đầu nhập vào Địa thứ mười, gọi là pháp vân. Ngôi vị sau Địa thứ mười gọi là Đẳng giác.

Cùng nương vào nhãn này: nghĩa là ở đây so với Phật thì hơn kém khác nhau, nhưng đều cùng một nhãn.

Tiếp theo là phần hai - Chánh giải tu hành. Trong đó có ba phần:

- Hạ thượng nhãn.
- Đẳng Diệu giác.
- Tam thân Phật.

Đây là phần một - Nêu Hạ Thượng nhãn.

Kinh: Định Kim cang Dụ trụ nơi vị Hạ nhãn gọi là Bồ-tát. Đến nơi Thượng nhãn gọi là Nhất-thiết-trí.

Giải thích: Định Kim cang dụ là Định thù thắng sau cùng. Định này hiện tiền thì có thể đoạn dứt tất cả các loại chướng vi tế, gọi là định Kim cang. Định này mới bắt đầu khởi ở thân của Bồ-tát gọi là Hạ nhãn. Nơi vị sau, tức vị giải thoát thành là Nhất-thiết-trí, gọi là thượng nhãn.

Kế đến là phần hai - Nêu Đẳng Diệu giác.

Kinh: Quán Thắng nghĩa đế, Đoạn Tướng vô minh, đó là Đẳng Giác, Nhất tướng, vô tướng, bình đẳng không hai, là Địa thứ mười một Địa Nhất-thiết-trí.

Giải thích: Trên nói “Quán”: tức Chánh Trí của chủ thể quán. Chánh trí có hai: Đẳng giác chiếu tịch và Phật quả tịch chiếu. Đó là Trí làm chủ thể quán, dựa theo Nhân và quả mà chia thành hai.

Thắng nghĩa đế: tức là Chơn như, thể của Chơn như cùng sáng tỏ, cùng chứng đắc.

Đoạn tướng vô minh: Là chướng vi tế nơi Địa thứ mười một. Có hai giải thích: Thể của vô minh chung cả hai chướng. Chủng tử vi tế đó đến vị này đều đoạn dứt.

2. Vô minh căn bản thì bất Giác. Trí chiếu Bản giác, nên gọi là đoạn. Phần sau sẽ nói rõ.

Đó là Đẳng giác: là kết về Ngôi vị đoạn .

Nhất tướng vô tướng: là nói về quả Phật. Thể của Như và Trí giống nhau, nên bảo là Nhất tướng. Trí khế hợp ngầm với Chơn lý nên bảo là vô tướng.

Bình Đẳng không hai: Là Đạo của Chư Phật ngang bằng nhau, không hai.

Là Địa thứ mười một: Địa thứ mười là Nhân, Phật Địa là Quả. Vượt qua địa thứ mười trước là Địa thứ mười một.

Địa Nhất-thiết-trí: Là Phật Địa viên mãn đó là đạo giải thoát, tóm kết về quả vị.

Tiếp đến là phần ba - Nói về ba thân của Phật. Có ba phần:

1: Nói về thân Pháp tính:

Kinh: Chẳng phải hữu Phi vô, trong lặng thanh tịnh, không đến, không đi, thường trú bất biến

Giải thích: Chẳng phải hữu Phi vô: là công đức của Tính. Nghĩa là Tính Đức nhiều như hằng hà sa của chư Như Lai khác với vạn tượng, nên bảo là chẳng phải hữu. Khác với sừng thỏ là không hề có, nên nói chẳng phải không.

Trong lặng thanh tịnh: Vĩnh viễn lìa bỏ các tướng nên bảo là trong lặng, không cùng kết với hữu lậu nên bảo là thanh tịnh. Là đức vô vi.

Không đến không đi: là Thân pháp tính. Tính bản giác tịnh, thể thường bất sinh, nên bảo là không đến. Thể thường chẳng diệt, nên bảo là không đi. Không tùy tính mê ngộ mà có động tịnh, nên bảo là thường trú. Không tùy theo tính phàm Thánh mà thay đổi, nên bảo là bất biến,

tức là Pháp thân.

Sau đây là phần hai - thân Trí đức

Kinh: Đồng Chơn tế, đẳng Pháp tính.

Giải thích: Chơn nói là Chơn tế, tức là Pháp thân.

Nói đồng: là Trí đồng với Lý. nghĩa là chư Như Lai, trong vị Đẳng giác, chướng vô minh đã hết nên đồng với Chân tế. Trong Vị giải thoát, chứng lý viên mãn tột cùng nên ngang với Pháp tính. Đây với Pháp Thân, chẳng phải tức Pháp thân, chẳng phải lìa pháp thân mà đầu hiện bày khắp pháp giới thường an lạc.

Tiếp theo là phần ba - Nói về Ứng, Hóa thân. Trong đó có hai phần: 1. Thân Ứng hóa; 2. Nêu chủ thể hóa, đối tượng được hóa. Đây là phần một thân Ứng hóa.

Kinh: Vô duyên đại bi, thường hóa độ chúng sanh. Vận hành Nhất-thiết-trí thừa đến giáo hóa ba cõi.

Giải thích: Vô Duyên Đại Bi: Bi có bốn loại: 1. Ngoại đạo, phàm phu, khởi nhận thức yêu thương là Bi; 2. Thanh văn, Độc giác duyên khổ dục sinh khởi tâm bi, gọi là quán hành Bi; 3. Bồ-tát vì lợi lạc chúng sinh, chứng đắc đồng thể Bi; 4. Chư Phật Thế Tôn chứng đắc vô duyên Bi.

Thường hóa độ chúng sanh: là nói Ứng thân. Nghĩa là, Chư Như Lai vốn ở cõi thuần tịnh, vị các chúng Bồ-tát trụ Địa thứ mười, tùy theo loài mà hiện thân, hiện đại thân thông, chuyển chánh pháp luân, khiến cho họ thọ dụng an lạc trong pháp thừa, không có gián đoạn, nên bảo là thường hóa độ.

Vận hành Nhất-thiết-trí thừa đến giáo hóa ba cõi: là nói về hóa thân. Chủ thể thừa (cõi, vận hành) là Bi, đối tượng được thừa (vận hành) là Trí. nghĩa là từ trí tối thanh tịnh của pháp giới sanh ra Trí, Bi, diễn nói các giáo lý. Đó tức là Trí thuộc về sự. Vận hành nơi lý mà trí sinh, vì dùng Nhất-thiết-trí làm đối tượng vận hành.

Đến giáo hóa ba cõi: là xứ của đối tượng được hóa. Thế giới hư không đều là vô biên, nên nêu về chỗ dựa để nói về nơi chốn đến giáo hóa. Như Kinh Pháp Hoa nói: “Các con ta, trước vì vui chơi, đến vào nhà này”. Trưởng giả sợ “vào” kinh này tức là “đến”. Vì sao cần phải giáo hóa? Như kinh kia lại nói: Ta vốn lập thế nguyện, muốn khiến cho tất cả chúng sanh ngang bằng như ta không khác. Như ta xưa đã nguyện, nay đã đầy đủ, hóa độ tất cả chúng sanh khiến đều nhập Phật đạo, nên hiện Ứng hóa để giáo hóa chúng sanh.

Dưới đây là phần hai - Nói về chủ thể hóa và đối tượng được

hóa.

Trong đó chia làm bốn phần:

1. Cảnh của đối tượng được hóa.

Kinh: Này thiện nam! Các loài chúng sanh, tất cả phiền não nghiệp quả dị thực của hai mươi hai căn, không ra ngoài ba cõi.

Giải thích: Các chúng sanh: là tất cả những loài hàm thức sinh ở các cõi, các thú. Cảnh giáo hóa của chư Phật, Bồ-tát hoặc khác nhau, nhưng chủng loại sinh nơi đối tượng được giáo hóa thì chỉ như thế.

Tất cả phiền não: là Lý sự phát nghiệp, sinh ra trợ phát duyên cho tất cả phiền não.

Nghiệp: Là các nghiệp phước và phi phước v.v... nhiễm tịnh, chiêu cảm sinh Nhân.

Quả Dị thực: là Quả vô ký chiêu cảm do thiện nhiễm tác nghiệp nên chiêu cảm quả. Thời gian trước sau chẳng đồng nên gọi là dị. Thực của dị v.v... như thường phân biệt.

Hai mươi hai căn: Như có Tụng nói:

Thủ cảnh tục gia tộc.

Mạng sống quả thọ dụng.

Thế gian, xuất thế Tịnh.

Theo lượng đó lập căn.

Thủ cảnh là sáu căn. Tục gia tộc: Là hai căn Nam, Nữ. Mạng sống tức là Mạng căn. Quả thọ dụng là năm căn: khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Thế gian Tịnh: là năm căn: tín, tấn, niệm, tịnh, tuệ. Xuất thế gian tịnh là ba căn vô lậu: Vị tri đương tri, dĩ tri cụ tri. Về Thể của chúng Tụng kết nói.

Sắc cùng bất tương ưng

Tâm vương và tâm Sở.

Bảy một một chỉ mười.

Ba thể tính tùy ứng.

Hai câu sau là giải thích bốn câu trên. Bảy là bảy sắc căn. một, một là Mạng căn và ý căn. Chỉ mười là mười tâm sở như năm thọ tín v.v... Ba Thể tùy ứng: là ba Thể vô lậu nơi chín căn... Tính tùy ứng: là sắc mạng vô ký, ý năm, thọ ba tín v.v... chỉ là thiện.

Không ra ngoài ba cõi: Là kết về phần đã nói trên, đều nằm trong ba cõi.

Hỏi: Trong hai mươi hai căn, mười chín căn trước là hữu lậu, nên có thể thuộc ở trong giới. Còn ba căn sau cùng thể là vô lậu, sao lại không ra ngoài giới.

Đáp: Đây là nói về đối tượng được giáo hóa nên chỉ xét về tướng chung. Lý thật thì ba căn ấy chẳng hệ thuộc trong giới. Nói “không ra ngoài” là có hai nghĩa: 1. Dựa theo chủng loại, chưa khởi hiện hành, theo thức đã nương nên bảo là không ra ngoài; 2. Xét theo hiện hành: Nhị thừa vô học, và tất cả Bồ-tát, chưa đến vị Đăng giác tuy vô lậu hiện hành ở thức thứ sáu thứ bảy nhưng chỗ nương vào mà phân định thuộc dị thực hữu lậu, thì cũng không ra ngoài.

Dưới đây là phần hai - nói về Thân của chủ thể giáo hóa.

Kinh: Chư Phật chỉ bày, dẫn dắt, ứng hóa pháp thân, cũng không lìa ba cõi.

Giải thích: Chỉ bày dẫn dắt là khai thị, hướng dẫn.

Ứng hóa: Tức là Tha thọ dụng và biến hóa lớn, nhỏ, gọi chung là ứng hóa, chỗ dựa của ứng hóa là pháp giới thanh tịnh, cùng chủ thể dựa Thể là phi tức phi ly, nên nói Ứng và hóa đều gọi là Pháp thân. Nghĩa là: Chư Như Lai ở khắp pháp giới, ứng hiện nơi ba cõi cũng đồng với đối tượng được giáo hóa, nên nói là không lìa.

Tiếp sau là phần ba - Nêu sự sai trái của ngoại đạo.

Kinh: Như có thuyết nói: ở ngoài ba cõi, còn có riêng một cõi chúng sanh gì tức là nói theo kinh Đại Hữu của ngoại đạo.

Giải thích: Chư Phật đã thuyết giảng ngoài ba cõi không có chúng sanh. Nếu nói ngoài ba cõi có chúng sanh nữa, tức là theo cách nói của Kinh Đại Hữu trong sáu cú nghĩa của ngoại đạo Phệ thế sử ca, chẳng phải là lời Phật dạy.

Hỏi: Nếu vậy, cõi báo của Nhị thừa vô học, Bồ-tát Thập Địa cư trụ, chẳng phải là ngoài giới sao.

Đáp: Căn cứ theo trợ duyên tức ở ngoài ba cõi, nhưng thể là dị thực, nên chẳng phải là ngoài.

Dưới đây là phần bốn - Hiện bày về giáo hóa thành phật

Kinh: Đại vương! Ta thường nói: các chúng sanh chỉ đoạn trừ hết vô minh nơi tức gọi là Phật

Giải thích: Hai chướng trong ba cõi gọi chung là vô minh. Chỉ cần đoạn dứt phiền não, chỉ cần tránh được sự trói buộc của cõi đoạn dứt hết Sở Tri gọi là vô minh hết, tức là Phật.

Đã giải thích xong phần hóa độ. Dưới đây là phần ba - Kết về quả vị viên mãn.

Kinh: Tự tính thanh tịnh, gọi là Tính Bản giác, tức là Nhất-thiết- trí trí của chư phật.

Giải thích: Tự Tính thanh tịnh, gọi là Tính Bản giác: Tức là Chơn

như. Theo Luận Khởi Tín thì: Câu trước là dứt tuyệt đối đãi, câu sau là đối đãi: Đối Bất giác mà nói là Bản giác.

Tức là Nhất-thiết-trí trí của Chư Phật: có hai thuyết giải thích:

1. Chơn như là Pháp thân của Phật, Pháp thân, Trí thân và tính và Tướng bình đẳng. Thể và tướng cùng theo nhau, cũng được gọi là Nhất-thiết-trí trí. Như thật thì chẳng phải Trí.

2. Chơn Như tức “Nhất-thiết-trí”. Tâm quay về với nguồn gốc, ngậm hợp không khác. Tướng và dụng chẳng phải không có một thể riêng biệt, tức là lấy Chơn như làm Nhất-thiết-trí trí.

Dưới đây là đoạn văn lớn thứ hai, kết về tu các hạnh.

Kinh: Do đây mà được làm căn bản của chúng sanh, cũng là căn bản của hạnh của Chư Phật, Bồ-tát. Tức chính là mười bốn hạnh trong năm pháp hạnh của Bồ-tát vốn đã tu hành.

Giải thích: Do đây mà được làm căn bản của chúng sanh: Có hai thuyết nói:

1. Do Bản giác nêu trên. Nghĩa là do Bản giác tùy theo Bất giác mà đánh thức tính sáu cõi luân hồi trong Ba cõi, nên Bản giác này làm căn bản của chúng sanh. Cũng là căn bản hạnh Chư Phật, Bồ-tát: vô minh mỏng nhỏ thì lực của Bản giác tăng. tâm quay về với nguồn. Từ ngọn hướng về gốc, theo thứ tự mà kiến lập năm hạnh. Đạt đến Tịch diệt hạnh thì Bản giác như nhiên vắng lặng. Vốn không có lay động nên nay không có tịch lặng. Bản giác này cũng là căn bản của hạnh chư Phật, Bồ-tát.

2. Do năm hạnh, là gốc tu hành từ đầu đến cuối của người phát khởi Đại Thừa, hướng đến đạo quả vô thượng, cũng là căn bản của hạnh Chư Phật, Bồ-tát. Cũng là căn bản pháp giới đã thành, chưa thành nơi Phật, Bồ-tát.

Dưới đây là phần hai - Trả lời về hóa độ chúng sanh. Trong đó có bốn phần: 1. Mười Ngôi vua; 2. Thuyết kệ tán; 3. Nêu Cảnh trí của hạnh; 4. Chư Phật đồng tu.

Trong phần Mười Ngôi vua lại có ba:

- Nhắc lại câu hỏi, lược nêu.
- Nói về mười ngôi vua.
- Kết, Nói về Chư Phật.

Dưới đây là phần một. Nhắc lại câu hỏi lược nêu.

Kinh: Phật nói: Đại Vương! Ông trước đã hỏi; Bồ-tát làm sao để giáo hóa chúng sanh? Bồ-tát Ma-ha-tát nên như vậy mà giáo hóa. Từ Địa đầu tiên đến Địa cuối cùng, nơi hành xứ của mình đến hành xứ của

Phật, tất cả Tri kiến.

Giải thích: Từ “Phật nói v.v...”: là nhắc lại câu hỏi trước.

Từ Địa đầu tiên: là Địa Hoan hỷ đến Địa cuối cùng: là Địa pháp Vân.
Nơi hành xứ của mình: là hành xứ của Bồ-tát trong mỗi một Địa. Hành xứ của Phật: Tức là xứ hóa độ của Phật nơi địa thứ mười.

Lại hành xứ của Như Lai, tức Địa thứ mười một.

Tất cả Tri Kiến: là Tri kiến như thật, thực hành hai lợi của Bồ-tát Chư Phật chứng chơn, đạt tục.

Hỏi: một Địa đầu tiên chẳng phải là Tập chủng tính sao?

Đáp: Đây là nói về sự hành hóa tạo lợi ích của mười vua, Tam Hiền đã xong rồi, nên ở đây không xét.

Tiếp theo là phần hai - Nói về mười ngôi vị vương, văn chia làm mười phần. Trong mỗi một Địa đều chia làm năm phần: 1. Quốc độ rộng hẹp; 2. Phối thuộc ngôi vị của vua; 3. Tu pháp nhiều ít; 4. Biện minh tu hạnh thù thắng; 5. Nói về chốn lợi sinh. Trong năm phần thuộc Sơ Địa, dưới đây là phần một - Quốc độ rộng đẹp.

Kinh: Bồ-tát Ma-ha-tát, trú nơi trăm cõi Phật.

Giải thích: Bồ-tát Sơ Địa trụ trăm đại thiên. Vì sao biết được? Một cõi Phật hóa độ tức là một đại thiên một trăm cõi Phật hóa độ là một trăm Đại Thiên.

Hỏi: Quốc độ ở gồm có mấy loại? Lấy gì làm thể? Vì sao địa thứ mười có sự rộng hẹp khác nhau?

Đáp: Theo Luận Phật Địa: Các cõi trú tương đối nhau gồm hai loại: tịnh và uế. Trong tịnh có mười ba cõi cõi: Ba cõi quả và mười cõi nhân. Ba cõi trú quả là: Hoặc cõi pháp tính Chơn như làm thể; hằng sa tính đức nương vào tự tính. Hoặc cõi Báo đắc, cảnh Trí (Đại viên cảnh trí làm thể, các chủng vô lậu nương vào chính cõi trú. Cõi Tha thọ dụng, bình đẳng tính trí làm thể cho cõi này, hiện thân lớn hay nhỏ đều nương vào cõi trụ của mình. Hoặc cõi Biến hóa, Thành sự tác trí sự làm thể cho cõi đó. Hiện thân biến hóa nương vào cõi trụ của mình. Hợp cả hai cõi Tha thọ dụng và Thân Biến hóa thành tức cõi trú thứ ba tức cõi trú Ứng hóa.

Mười cõi Nhân: là cõi mà Bồ-tát mười Địa nương vào, lấy bản thức làm Thể, tức thuộc về khổ đế hữu lậu. Hoặc do Hậu đắc trí biến hiện ảnh tượng hơn kém thuộc về đạo vô lậu mà cõi trú rộng hay hẹp khác nhau. Các báu trang nghiêm đều do tự trí biến ra, nên có sự tự thọ dụng thô hay diệu khác nhau. Cõi biến dịch của Nhị Thừa tuy thể đồng với Bồ-tát nhưng thô kém. Tây phương Tịnh độ (cõi trú tịnh) là thuộc

chúng sinh địa tiền (Địa tiền là trước khi vào Sơ Địa, thuộc Tam Hiền, Thất hiền), lấy bản thức làm thể, nhờ lực bản nguyện của và Phật tự hành, nên được vãng sinh, vì không có trí vô lậu làm vốn liếng chiêu cảm nên tự thọ dụng ngôi vị bảy báu.

Trong cõi uest, mọi giới, thú (loài chúng sinh) hơn hay kém là do tự thức biến ra, cứ theo như vậy thì rõ. Sự khác giống giữa cõi trú Tịnh và cõi trú uest là do nghiệp riêng của chúng sinh, như thông thường đã phân biệt.

Tiếp theo là phần hai - Phối thuộc ngôi vị của vua.

Kinh: Làm Chuyển Luân Thánh Vương ở châu Thiệm Bộ.

Giải thích: Như Kinh thập Địa: Sơ Địa làm Vua cõi Diêm-phù-đề. Kinh Anh Lạc nói: Sơ Địa trở lên làm Lưu ly Luân vương. Kinh Hoa Nghiêm nói: Sơ Địa làm vua cõi Diêm-phù-đề. Kinh này nói là Luân vương. Nói “Diêm phù” là nói trú xứ. Nói “Lưu Ly” là nói về chỗ Thắng diệu. Nói “Luân vương” là nêu về Luân Bảo. Cõi cư trú và cảnh giáo hóa không trái nhau.

Hỏi: Thế thì trong kinh này, Bồ-tát Sơ Địa và Đạo chủng tính Luân vương khác nhau thế nào?

Đáp: Như kệ sau nói: “Quyền hóa hữu tình đi trăm nước”. Trăm này là vì Thánh và phàm khác nhau.

Tiếp đến là phần ba: Tu pháp nhiều ít.

Kinh: Tu trăm Pháp minh môn.

Giải thích: Kinh này nêu chung, không phân biệt về danh số.

Kinh Anh Lạc nói: Mười Tín, mỗi một Tín có mười, tức là trăm pháp minh môn. 1. Kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát ở Địa này, nếu hành trì tinh tiến xả bỏ nhà cửa, vợ con, xuất gia học đạo, trong khoảng khắc một niệm, đăc trăm Tam muội, dùng thiên nhãn tịnh, thấy trăm quốc độ Phật; 2. Thấy trăm Như Lai; 3. Chấn động trăm thế giới. Thân cũng có thể đi đến những thế giới Phật kia, phóng đại quang minh; 4. hóa thành trăm loài, khiến người khác thấy được; 5. Thành thực trăm loài hữu tình được hóa độ; 6. Nếu muốn lưu lại thân thì trụ được trăm kiếp; 7. Thấy được các việc đời trước đời sau trong trăm kiếp tiền, hậu te; 8. Trí kiến có thể nhập trăm pháp minh môn; 9. hóa làm trăm thân; 10. Thân đều có thể hiện ra trăm Bồ-tát Quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực tự tại thị hiện thì vượt quá số đó, cho đến trăm ngàn ức Na-do-tha kiếp không thể tính biết.

Kinh: Dùng Đàn Ba-la-mật đa trụ nơi tâm bình đẳng.

Giải thích: Trong mười độ, Thí độ viên mãn, đủ bảy điều tối thắng,

ba luân thanh tịnh, đạt vô phân biệt, trú tâm bình đẳng. Chuyên tu độ này, tất cả thường xả, các độ còn lại đều được tu theo phần lược.

Sau đây là phần năm - Nói về lợi sinh.

Kinh: Hóa độ tất cả chúng sanh nơi bốn thiên hạ.

Giải thích: Dùng đạo mười thiện, hóa độ tạo lợi cho chúng sanh. Các vương sau này đều dùng mười thiện để hóa, xứ có rộng hẹp, hạnh có hơn kém khác nhau.

Dưới đây là phần hai - Nói về Địa Ly cấu, văn chia làm năm phần.

Kinh: Hoặc Bồ-tát Ma-ha-tát trú nơi ngàn cõi Phật làm Đạo lợi Thiên vương, tu ngàn pháp minh môn, thuyết giảng đạo mười thiện để hóa độ tất cả chúng sanh.

Giải thích: Cư độ (Cõi trú) rộng dần, làm Thiên đế Thích, mở rộng Sơ Địa trăm minh môn thành ngàn minh môn, tu giới độ viên mãn, dùng mười thiện để hóa độ. Dưới đây là phần ba- nói về Địa phát quang, văn chia làm năm phần như trên.

Kinh: Hoặc Bồ-tát Ma-ha-tát trú nơi vạn cõi Phật, làm Dạ-ma Thiên Vương tu vạn pháp minh môn, nương theo bốn Thiên Định mà hóa độ tất cả chúng sanh.

Giải thích: Bồ-tát nơi địa này, đắc các định thù thắng, thì từng phần, Thiên vương dần dần rộng lớn. Dưới đây là phần bốn - Nói về Địa Diệm Tuệ, văn có năm phần như trên.

Kinh: Hoặc Bồ-tát Ma-ha-tát trú nơi ức cõi Phật, làm Thiên vương cõi trời Đố Sử Đa, tu ức pháp minh môn, hành pháp Bồ-đề phần, hóa độ tất cả chúng sanh.

Giải thích: Thiên Vương Tri túc, tu các ức môn Bồ-đề phần, dùng Trí để hóa độ chúng sanh. Tiếp theo là phần năm - nói về Địa-nan Thắng, văn có năm phần như trên.

Kinh: Hoặc Bồ-tát Ma-ha-tát trú nơi trăm ức cõi Phật, làm hóa Lạc Thiên vương, tu trăm ức pháp minh môn, dùng Nhị đế, Tứ đế, hóa độ tất cả chúng sanh.

Giải thích: Sở tu càng lúc càng hơn, trăm ức các môn, quán đủ các đế, để hóa độ chúng sanh. Tiếp đến là phần sáu - nói về Địa Hiện Tiền, văn có năm phần như trên.

Kinh: Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát trú nơi ngàn ức cõi Phật, làm Tha hóa tự Tại Thiên vương, tu ngàn ức pháp minh môn, dùng trí mười hai nhân duyên, để hóa độ tất cả chúng sanh.

Giải thích: Trụ ở đỉnh của Dục giới, làm Thiên vương cõi Trời Tha

hóa, những sở tu, sở ngộ thấy đều đã chuyển mạnh hơn. Dùng trí Duyên sinh mà hóa độ tạo lợi ích cho chúng sanh. Từ đây là phần bảy, nói về Địa Viễn hành, vẫn có năm phần như trên.

Kinh: Hoặc Bồ-tát Ma-ha-tát, trú nơi vạn ức cõi Phật, làm Sơ Thiên Phạm Vương, tu vạn ức pháp minh môn, dùng trí phương tiện thiện xảo, hóa độ tất cả chúng sanh.

Giải thích: Trú ở Đại Phạm thiên, Cảnh và tu đều thắng diệu, đặc phương tiện trí giáo, hóa, lợi lạc chúng sanh. Tiếp sau là phần tám - nói về Địa chẳng động, Vẫn có năm phần như trên.

Kinh: Hoặc Bồ-tát Ma-ha-tát, trú nơi trăm vạn vi trần số cõi Phật, làm đệ Nhị Thiên Phạm vương, tu trăm vạn vi trần số pháp môn, dùng Trí song chiếu Bình đẳng Thần thông Nguyện, hóa độ tất cả chúng sanh.

Giải thích: Trú ở cõi Trời Biến Quang Tịnh, cảnh tu chuyển thắng diệu, song chiếu chân tục hiện đại thần thông, dùng trí đại nguyện để hóa độ lạc, lợi chúng sanh. Sau đây là phần chín: Nói về Địa Thiện Tuệ, vẫn có năm phần như trên.

Kinh: Hoặc Bồ-tát Ma-ha-tát, trú nơi trăm vạn ức A-tăng-kỳ vi trần số cõi Phật, làm Tam Thiên phạm vương, tu trăm vạn ức A-tăng-kỳ vi trần số Pháp minh môn, dùng Trí bốn vô ngại mà hóa độ tất cả chúng sanh.

Giải thích: Trú ở cõi trời Biến Tịnh, cảnh tu chuyển thắng diệu, Trí dùng bốn vô Ngại, hóa, lợi chúng sanh. Từ đây là phần mười: Nói về Địa Pháp vân. Vẫn có năm phần như trên.

Kinh: Hoặc Bồ-tát Ma-ha-tát, trú nơi số cõi Phật không thể nói hết được, làm Đại phạm Thiên Vương đệ tứ Thiên, làm chủ của ba cõi, tu số pháp minh môn không thể nói hết được, đặc hết lý Tam muội, đồng với hành xứ của Phật, tận nguồn của ba cõi, lợi khắp chúng sanh như cảnh giới của Phật.

Giải thích: Bất khả thuyết (không thể nói hết được): Như Kinh Hoa Nghiêm quyển bốn mươi lăm nói: Bất khả thuyết tức là một trăm mười chín con số. Nếu “bất khả thuyết, bất khả thuyết” tức là hơn hai trăm hai mươi con số.

“Trú ở đỉnh của Sắc giới, cung Đại tự tại, làm chủ cả ba cõi, cảnh tu tối thắng; đặc hết lý Tam muội”: là chiếu giải lý tột cùng, nên gọi là hết lý tận. Tam muội thì có thể nhận biết. Đó tức là định Kim-cương sau cùng.

Đồng với hành xứ của Phật: là đồng với nhãn Tịch diệt.

Tận Nguồn của ba cõi; Theo Bản ký nói: Thức A-lại-da được xem là Bản Nguyên. Như Khởi Tín Luận nói: ở vô minh Căn bản mà khởi Nghiệp Thức. gốc Tập, gốc Khổ là gốc của Ba cõi. Thánh Trí đoạn dứt những thứ đó, nên gọi là Tận.

Lợi khắp chúng sanh...: Nghĩa là trong Địa này lợi cho hữu tình, chứng Chơn đạt Tục, đều là phần tối thắng, giống với cảnh Phật. Cho nên kinh Đại phẩm nói: Bồ-tát Thập Địa nên biết là như Phật. Lại nói: Kiến tánh chưa rõ, tức là nghĩa đó.

Từ đây là phần ba - kết về chư Phật, trong đó chia làm hai phần. Phần một - kết về chư Bồ-tát.

Kinh: Đó là vì Bồ-tát Ma-ha-tát hiện thân các vua để làm việc hóa độ dẫn dắt.

Giải thích: Như văn đã rõ. Từ đây phần hai - Kết về chư Phật

Kinh: Mười phương Như Lai cũng lại như vậy, chứng Vô thượng giác, thường hiện hữu khắp pháp giới, lợi lạc chúng sanh.

Giải thích: Không những Bồ-tát nương theo đó lợi sinh, mà mười phương Như Lai cũng lại như vậy. Thường làm lợi lạc khắp pháp giới.

Từ đây là phần hai: Nêu Thuyết kệ tán. Trong đó có ba phần:

1. Đại chúng cúng dường; 2. Vua thuyết kệ tán; 3. Nghe pháp được ích. Dưới đây là phần một - Đại chúng cúng dường.

Kinh: Bấy giờ, tất cả đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, rải hoa Phạm, hương thơm không thể nói hết, cung kính cúng dường, xưng tán Như Lai.

Giải thích: Được nghe pháp vui mừng, cúng dường xưng tán.

Tiếp theo là phần hai - vua thuyết kệ tán. Trong đó chia làm hai đây là phần một - Nêu vua thuyết kệ.

Kinh: Lúc này, Vua Ba-tư-nặc, liền ở trước Phật dùng kệ tán thán.

Giải thích: Chữ kệ ở đây có ba giải thích: 1. Kệ là hết, tức thấu nhiếp hết các nghĩa; 2. Kệ là nghỉ ngơi, dùng lời nghỉ ngơi; 3. Tiếng Phạm gọi là Già Tha, tiếng Hoa gọi là phúng tụng. Người dịch Kinh xưa, dùng chữ “Kệ Tha”, rồi lược bỏ chữ Tha, chỉ dùng chữ kệ.

Từ đây là phần hai - Chính nói về kệ tán, gồm ba mươi kệ. Chia làm ba phần: 1. Có ba kệ: Tán thán về ba đức của Phật; 2. Có hai mươi sáu kệ rưỡi: tán thán rộng về năm hạnh; 3. Nửa kệ, kết tán, Kính lễ. Trong phần tán thán về ba đức, chia làm ba phần: 1. Tán thán về đức của ba nghiệp; 2. Tán thán về các thứ vi diệu có đủ; 3. Tán thán về sự sâu xa của pháp đã thuyết.

Dưới đây là phần một: Tán thán về đức của ba nghiệp.

Kinh:

*Thế Tôn đạo sư, thể Kim cang
Tâm hành tịch diệt, chuyển pháp luân
Tám biện viên âm nhằm khai diễn
Thời chúng đắc đạo trăm vạn ức.*

Giải thích: Thế Tôn: như đã nói trên

Đạo sư: Thiện xảo đầy đủ như người thuyền trưởng hướng dẫn tìm được châu báu ở biển. Ở đây là hướng dẫn thành Phật.

Thể Kim cang: là kiên cố đầy đủ. Thể là thân. Thân Phật kiên cố giống như Kim cang, là tán thán về đức của thân.

Tâm hành: là Bi Trí đầy đủ, bốn phẩm trí tâm gọi chung là tâm, thường chiếu hai đế, cho nên gọi là hành.

Tịch diệt: là giải thoát. Càng động càng tịch, gọi là tịch diệt. Là tán thán đức của tâm. Như kinh Tịnh Danh nói; “tâm tịnh đã độ các thiên định” là không trái với đây.

Chuyển pháp luân: Là tán thán đức của Ngã. Chuyển là khởi. Pháp là pháp của giáo lý hành quả nơi ba thừa đã thuyết giảng. Luân là tròn đủ, giống như bánh xe, vì phá bỏ các chướng ngại, có thể vận dụng. nghĩa là Đức Phật đã chuyển diệu pháp vô thượng đến người khác, người khác cứ như vậy mà chuyển cho nhau. nghĩa của Chuyển pháp luân như thường phân biệt.

Tám biện: Tám là tám âm. Biện là bảy biện. Tám âm là như kinh Phạm Ma Dự nói: 1. Thanh hay nhất; 2. Thanh dễ hiểu; 3. Thanh điều hòa; 4. Thanh mềm mại; 5. Thanh không lằm; 6. Thanh không nữ; 7. Thanh tôn tuệ; 8. Thanh sâu xa.

Bảy Biện là: 1. Biện nhanh: cần nói liền nói không bị trở ngại; 2. Biện chóng: như thác đổ không chậm chạp; 3. Biện đúng: đúng thời, đúng cơ, không tăng giảm; 4. Biện không sai sót: những điều nói ra đều kết hợp với lý, không sai lệch; 5. Biện không dứt hết: Tương tục liên hoàn không bao giờ hết; 6. Biện nói nghĩa vị phong phú: vì mỗi một câu nói đều hàm chứa nhiều sự lý; 7. Là lời biện giải tối thượng diệu trong tất cả thế gian: đầy đủ sâu xa, như sấm rền.

Viên âm: một âm, viên âm, nghĩa thông suốt nhiều cách hiểu. Có thuyết nói: chư Phật vô hình, vô thanh, vì đối với các căn thích hợp, như hang sâu rộng, tiếng vang hiện ra vô lượng âm thanh, tùy theo mỗi căn tính, nhận được một âm, khắp cả mười phương, nên gọi là viên âm.

Có thuyết nói: Chư Phật thật có sắc thanh, âm Phật Viên mãn, không có vận khúc khác lạ. Như Kinh nói: Phật dùng một âm diễn thuyết pháp, chúng sanh tùy loài đều được hiểu.

Có thuyết nói: Chư Phật thật có nhiều loại âm thanh, nhưng do Phật âm vô chướng, Không ngại, tất cả tức là một nên gọi là một âm. một tức tất cả nên gọi là Viên âm, do đủ các đức rộng vì các loài mở bày diễn nói. Đó là tán thán đức của Ngũ. Đức của ba nghiệp trên, tức là ba Mật môn, tức là ba sự chỉ dẫn trong sự dụng.

Thời chúng đắc đạo trăm vạn ức: là tán thán sự, thuyết giảng đúng với căn tánh.

Tiếp theo là phần hai - tán thán về các thứ vi diệu được nhận.

Kinh:

Trời người đều tu hạnh xuất ly.

Thường tập tất cả đạo Bồ-tát.

Giải thích: Trời và Người đều tu: Hoặc Trời, hoặc Người tuy khác loài nhưng thọ nhận bình đẳng, đều có thể tu tập đạo, Bồ-tát xuất ly của đại thừa. Do đây nói, chủng tính ba Thừa hể đến hội này thì đều tu Đại Thừa. Những điều nói trên tức là Tam bảo. Tiếp đến là phần ba: tán thán về sự sâu xa của pháp đã thuyết, trong đó chia làm ba: 1. Nói về đức của năm nhẫn.

Kinh:

Công đức năm nhẫn diệu pháp môn.

Mười bốn Bồ-tát thường hiểu rõ.

Giải thích: Năm nhẫn: năm nhẫn như trên đã nói. Công đức: Công đức của vạn hạnh mà Bồ-tát đã tu Diệu pháp môn; là pháp môn thâm diệu từ phàm đến Thánh. Mười bốn Bồ-tát: Ba Hiền, mười địa và Đẳng giác thành là mười bốn. Thường hiểu rõ: Là kiến giải, chứng tu, có thể hiểu rõ.

Từ đây là phần hai - Nói về Nhân quả khác nhau.

Kinh:

Ba Hiền mười Thánh, hành trong nhẫn.

Chỉ một mình Phật mới tận gốc.

Giải thích: Bồ-tát trong nhân nương vào đó hưởng đến cầu, nên là hành trong nhẫn, chỉ quả Phật là tròn đủ, Đức và Hạnh đều viên mãn, chỉ một mình Đức Phật mới tận nguồn. Tiếp theo là phần ba: Nói về Tam bảo Tạng.

Kinh:

Phật Pháp Chúng biển tạng Tam bảo

Vô lượng công đức thâm trong đó.

Giải thích: Phật pháp chúng: là nêu tên của Tam bảo. Cùng một thể Chơn như tức là tánh nhãn. Chủ thể thuyết, đối tượng được thuyết, các người tu hành, tức là tướng riêng.

Nói biển tức tán thán nhãn sâu rộng, bao hàm cả Tam bảo, tích chứa làm Tạng (kho tàng).

Vô lượng Công đức: tán thán về chỗ nêu giảng hết sức sâu xa. Hằng sa Công đức hữu vi vô vi đều chứa trong nhãn, nên gọi là thâm nhiếp.

Dưới đây là phần hai - Có hai mươi sáu kệ rưỡi, tán thán rộng về năm nhãn. Phần hai: 1. Có hai mươi bốn kệ tán thán rộng về năm nhãn;

2. Có hai kệ rưỡi, tán thán về đức Bi sâu xa của Phật. Trong phần đầu nói về năm nhãn có hai: Phần đầu có hai mươi ba kệ, nêu rõ rộng về năm nhãn phần sau có một kệ nêu rõ về nhân quả đối xứng. Hai mươi ba kệ đầu chia làm sáu: 1 - 4 kệ rưỡi: Nói về Phục nhãn. Trong đó chia làm hai:

- Tán thán chung bốn vua.

- Nói chung về Phục nhãn.

Phần một - lại có hai phần: 1. Nói về Vị Thập Thiện.

